NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính (sau đây gọi là Thông tư số 43/2016/TT-NHNN)

1. Điểm b khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Chi phí học tập, khám, chữa bệnh, du lịch, văn hóa, thể dục, thể thao;".

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 3 như sau:

"5. *Giải ngân trực tiếp cho khách hàng* là việc công ty tài chính giải ngân cho vay tiêu dùng trực tiếp cho khách hàng bằng tiền mặt hoặc thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay tiêu dùng, đảm bảo kiểm tra, giám sát mục đích sử dụng vốn vay theo quy định của pháp luật.".

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 4. Áp dụng văn bản pháp luật**

1. Các quy định khác về cho vay liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính không được quy định tại Thông tư này, công ty tài chính thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay phục vụ nhu cầu đời sống theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

2. Việc giải ngân trực tiếp cho khách hàng thực hiện theo quy định tại Thông tư này.".

4. Khoản 2 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Công ty tài chính phải thực hiện quản lý, giám sát, thống kê hoạt động cho vay tiêu dùng tách bạch với các hoạt động cho vay khác của công ty tài chính, tách bạch cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng với phương thức giải ngân cho vay tiêu dùng khác.".

5. Khoản 4 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Công ty tài chính báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định sau đây:

a) Khi có phát sinh thay đổi người quản lý, phụ trách điểm giới thiệu dịch vụ, công ty tài chính phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có điểm giới thiệu dịch vụ theo quy định sau đây:

- Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được lập bằng văn bản, gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;

- Thời hạn gửi báo cáo: trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi người quản lý, phụ trách điểm giới thiệu dịch vụ;

- Đề cương báo cáo theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Trường hợp mở, chấm dứt hoặc dự kiến mở, chấm dứt điểm giới thiệu dịch vụ, công ty tài chính phải báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính mở, chấm dứt, dự kiến mở, chấm dứt điểm giới thiệu dịch vụ theo quy định sau đây:

- Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được lập bằng văn bản, gửi đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua hệ thống thư điện tử của Ngân hàng Nhà nước;

- Thời gian chốt số liệu: tính từ ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng của quý báo cáo;

- Thời hạn gửi báo cáo: trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu tiên quý liền kề quý báo cáo;

- Đề cương báo cáo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này; đề cương báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.”.

6. Điểm a khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Điều kiện cho vay; các nhu cầu vốn không được cho vay; phương thức cho vay; phương thức giải ngân (bao gồm cả phương thức giải ngân trực tiếp cho

khách hàng); lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi tiền vay; hồ sơ cho vay và các tài liệu của khách hàng gửi công ty tài chính phù hợp với đặc điểm của khoản vay, loại cho vay và đối tượng khách hàng; thu nợ; điều kiện, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn;".

7. Điểm đ khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"đ) Biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ phù hợp với đặc thù của khách hàng, quy định của pháp luật và không bao gồm biện pháp đe dọa đối với khách hàng, trong đó số lần nhắc nợ tối đa 05 (năm) lần/01 (một) ngày, hình thức nhắc nợ, thời gian nhắc nợ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tiêu dùng nhưng phải trong khoảng thời gian từ 7 (bảy) giờ đến 21 (hai mươi mốt) giờ; không nhắc nợ, đòi nợ, gửi thông tin về việc thu hồi nợ của khách hàng đối với tổ chức, cá nhân không có nghĩa vụ trả nợ cho công ty tài chính, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo mật thông tin khách hàng theo quy định của pháp luật;".

8. Điểm h khoản 2 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"h) Bộ phận chuyên trách, hình thức tiếp nhận, xử lý, thời hạn giải quyết và trả lời khiếu nại, thời hạn lưu trữ đối với các góp ý, phản ánh, khiếu nại của khách hàng, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính;".

9. Bổ sung điểm m vào sau điểm l khoản 2 Điều 7 như sau:

"m) Quy định cụ thể các biện pháp nhằm kiểm soát việc giải ngân trực tiếp cho khách hàng, đảm bảo khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích vay vốn ghi trong hợp đồng cho vay tiêu dùng.".

10. Khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Công ty tài chính phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước quy định nội bộ về cho vay tiêu dùng theo quy định sau đây:

a) Gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung;

b) Gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giới thiệu dịch vụ khi có yêu cầu.”.

11. Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:

“**Điều 8a. Giải ngân trực tiếp cho khách hàng**

1. Việc giải ngân trực tiếp cho khách hàng bằng tiền mặt phải tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương thức giải ngân vốn cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều này và Điều 7 Thông tư này.

2. Việc giải ngân trực tiếp cho khách hàng thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt do công ty tài chính tự quyết định trên cơ sở thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán do khách hàng cung cấp và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều này, Điều 7 Thông tư này và quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Công ty tài chính chỉ được giải ngân trực tiếp cho khách hàng đối với khách hàng không có nợ xấu theo báo cáo quan hệ tín dụng tra cứu tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam tại thời điểm gần nhất so với thời điểm ký kết hợp đồng cho vay tiêu dùng.

4. Tổng dư nợ cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại một công ty tài chính so với tổng dư nợ tín dụng tiêu dùng của công ty tài chính đó tại thời điểm cuối ngày làm việc liền kề trước ngày ký kết hợp đồng cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng phải tuân thủ tỷ lệ tối đa theo lộ trình sau đây:

a) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021: 70%;

b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022: 60%;

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023: 50%;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024: 30%.

5. Tổng dư nợ cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng và tổng dư nợ tín dụng tiêu dùng của công ty tài chính quy định tại khoản 4 Điều này bao gồm

cả số tiền cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại các hợp đồng đã được ký kết đến ngày ký kết hợp đồng quy định tại khoản 4 Điều này nhưng chưa giải ngân.

6. Tổng dư nợ cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại một công ty tài chính quy định tại khoản 4, 5 Điều này chỉ bao gồm khách hàng có tổng dư nợ cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp (bao gồm cả số tiền cho vay tiêu dùng giải ngân trực tiếp cho khách hàng tại các hợp đồng đã được ký kết đến ngày ký kết hợp đồng quy định tại khoản 4 Điều này nhưng chưa giải ngân) tại công ty tài chính đó trên 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

7. Công ty tài chính phải thông báo cho khách hàng các quy định của pháp luật, quy định nội bộ về phương thức giải ngân trực tiếp cho khách hàng thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; thông báo cho khách hàng và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có liên quan đến giải ngân trực tiếp cho khách hàng thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt quy định về giờ giao dịch thanh toán trong ngày.

8. Khách hàng cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán theo quy định của công ty tài chính phục vụ cho việc xem xét quyết định phương thức giải ngân trực tiếp cho khách hàng thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Khách hàng chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho công ty tài chính.”.

12. Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung khung lãi suất cho vay tiêu dùng, công ty tài chính phải gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi công ty tài chính đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giới thiệu dịch vụ báo cáo về khung lãi suất cho vay tiêu dùng theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.”.

13. Điểm l khoản 1 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"l) Các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan; biện pháp xử lý trong trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay tiêu dùng;".

14. Khoản 4 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Công ty tài chính phải cung cấp cho khách hàng dự thảo hợp đồng cho vay tiêu dùng, giải thích chính xác, đầy đủ, trung thực các nội dung cơ bản tại hợp đồng cho vay tiêu dùng, trong đó bao gồm cả quyền và nghĩa vụ của khách hàng vay tiêu dùng, các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ, biện pháp xử lý trong trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cho vay tiêu dùng và có xác nhận của khách hàng về việc đã được công ty tài chính cung cấp thông tin theo quy định tại khoản này, để khách hàng xem xét, quyết định trước khi ký kết hợp đồng cho vay tiêu dùng.".

15. Bổ sung Điều 10a, Điều 10b vào sau Điều 10 như sau:

"**Điều 10a. Trách nhiệm của công ty tài chính**

1. Tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, điểm giới thiệu dịch vụ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty tài chính các nội dung sau đây:

a) Khung lãi suất cho vay tiêu dùng, các loại phí, phương pháp tính lãi;

b) Các hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, khiếu nại của khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính.

3. Đăng tải thông tin liên hệ của công ty tài chính, danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ, những điều cần biết về cho vay tiêu dùng (trong đó tối thiểu có nội dung quyền và nghĩa vụ cơ bản của khách hàng vay tiêu dùng theo quy định của pháp luật), các câu hỏi thường gặp trong cho vay tiêu dùng trên trang thông tin điện tử của công ty tài chính.

4. Quy định cụ thể trách nhiệm của người quản lý, phụ trách điểm giới thiệu dịch vụ trong việc báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi có điểm giới thiệu dịch vụ.

5. Áp dụng các hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, khiếu nại của khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cho vay tiêu dùng của công ty tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo xác thực thông tin khiếu nại mà khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp cho công ty tài chính, trong đó tối thiểu có hai hình thức sau đây:

a) Hình thức trực tiếp thông qua các cá nhân, bộ phận chuyên trách tại trụ sở chính, chi nhánh, điểm giới thiệu dịch vụ của công ty tài chính;

b) Hình thức gián tiếp thông qua văn bản, các phương tiện điện tử, tổng đài điện thoại (có ghi âm, tối thiểu hoạt động trong khoảng thời gian từ 7 (bảy) giờ đến 21 (hai mươi mốt) giờ) và các hình thức gián tiếp khác phù hợp quy định của pháp luật.

6. Giải quyết và trả lời khiếu nại của khách hàng, tổ chức, cá nhân liên quan trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ) kể từ khi tiếp nhận khiếu nại về số tiền cho vay, lãi suất, biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ quy định tại hợp đồng cho vay tiêu dùng; về đòi tiền cá nhân, tổ chức không có nghĩa vụ trả nợ, thông tin sai về nghĩa vụ nợ tại Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam và trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận khiếu nại về nội dung khác.

7. Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng quy trình tuyển dụng, đánh giá nhân viên, hạn chế rủi ro đạo đức; tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng, chất lượng dịch vụ tư vấn khách hàng, ý thức tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, đạo đức nghề nghiệp cho nhân viên.

8. Thực hiện giám sát, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy định nội bộ về hoạt động cho vay tiêu dùng đối với cá nhân, bộ phận, đơn vị có liên quan tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giới thiệu dịch vụ của công ty tài chính, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, quy trình, quy định nội bộ. Phát hiện kịp thời các hành vi có

dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động cho vay tiêu dùng, thông báo, cảnh báo trong hệ thống của công ty tài chính để có biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro, các hành vi vi phạm pháp luật.

9. Xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, quy trình, quy định nội bộ trong hoạt động cho vay tiêu dùng, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng; công bố công khai trong nội bộ việc xử lý các vi phạm này.

10. Trường hợp công ty tài chính bán nợ cho bên thứ ba được phép mua nợ theo quy định của pháp luật, trong hợp đồng mua bán nợ phải có cam kết của bên thứ ba về việc thực hiện các quy định đã thỏa thuận với khách hàng tại hợp đồng cho vay tiêu dùng (trong đó bao gồm cả các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ) phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10b. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm:

a) Thanh tra, giám sát đối với công ty tài chính trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo công ty tài chính tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tiếp nhận báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 7 và khoản 3 Điều 9 Thông tư này.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

a) Thanh tra, giám sát hoặc phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố khác thanh tra, giám sát đối với hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giới thiệu dịch vụ của công ty tài chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo công ty tài chính, chi nhánh, văn phòng đại

diện, điểm giới thiệu dịch vụ của công ty tài chính trên địa bàn tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Tiếp nhận báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 6, khoản 4 Điều 7 và khoản 3 Điều 9 Thông tư này;

d) Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền nắm bắt thông tin, thông báo, cảnh báo các công ty tài chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, điểm giới thiệu dịch vụ của công ty tài chính trên địa bàn có biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro, hành vi vi phạm pháp luật, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và công ty tài chính.”.

16. Bổ sung Phụ lục số 01, 02, 03 và 04 đính kèm Thông tư này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 11 năm 2019)

TÊN CÔNG TY TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	
	....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
VỀ ĐIỂM GIỚI THIỆU DỊCH VỤ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

I. Danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ và thông tin người quản lý, phụ trách (tên, địa chỉ, số điện thoại) điểm giới thiệu dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn.

II. Danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ và thông tin người quản lý, phụ trách mới (tên, địa chỉ, số điện thoại) điểm giới thiệu dịch vụ có phát sinh thay đổi người quản lý, phụ trách trên địa bàn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 11 năm 2019)

TÊN CÔNG TY TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
VỀ ĐIỂM GIỚI THIỆU DỊCH VỤ QUÝ... NĂM...

Kính gửi: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Báo cáo về điểm giới thiệu dịch vụ trong quý chi tiết theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

1. Số lượng điểm giới thiệu dịch vụ được mở, chấm dứt.
2. Số lượng điểm giới thiệu dịch vụ đang hoạt động.
3. Số lượng điểm giới thiệu dịch vụ dự kiến mở, chấm dứt.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 11 năm 2019)

TÊN CÔNG TY TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
VỀ ĐIỂM GIỚI THIỆU DỊCH VỤ QUÝ... NĂM...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

I. Báo cáo về điểm giới thiệu dịch vụ trong quý trên địa bàn như sau:

1. Danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ và thông tin người quản lý, phụ trách (tên, địa chỉ, số điện thoại) điểm giới thiệu dịch vụ được mở, chấm dứt.

2. Danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ và thông tin người quản lý, phụ trách (tên, địa chỉ, số điện thoại) điểm giới thiệu dịch vụ đang hoạt động.

II. Danh sách (tên, địa chỉ) điểm giới thiệu dịch vụ dự kiến mở, chấm dứt trong quý tiếp theo trên địa bàn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04 tháng 11 năm 2019)

TÊN CÔNG TY TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	

....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO
VỀ KHUNG LÃI SUẤT CHO VAY TIÊU DÙNG

Kính gửi: - Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

I. Khung lãi suất cho vay: Mức lãi suất cho vay cao nhất, mức lãi suất cho vay thấp nhất đối với từng sản phẩm cho vay.

II. Các yếu tố, nguyên tắc cơ bản xác định khung lãi suất cho vay tiêu dùng.

III. Các yếu tố về chi phí vốn, chi phí rủi ro, lợi nhuận trên vốn, lãi suất thị trường bảo đảm bù đắp được các chi phí, rủi ro liên quan, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và sự phát triển của công ty tài chính.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)